

TÌM HIỂU THÊM MỐI QUAN HỆ GIỮA PHAN BỘI CHÂU VÀ PHAN CHÂU TRINH

ĐÓ HÒA HỎI

Viện Triết học Việt Nam

Từ trước đến nay theo cách nhìn nhận và đánh giá của các nhà nghiên cứu lịch sử về phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX thì Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh là hai nhà yêu nước vĩ đại và được xếp là hai đại diện tiêu biểu cho hai xu hướng khác nhau, có những quan điểm đấu tranh gay gắt với nhau. Với cách nhìn nhận đó, trong suốt một thời gian khá dài, việc nghiên cứu mối quan hệ tư tưởng của hai ông, cũng như sự biến đổi trong tư tưởng của hai ông, chưa được chú ý một cách đầy đủ, sát thực tế lịch sử.

Được khuyến khích bởi những phát hiện mới về tư liệu sử học, trong tình hình đồ mới cởi mở, chúng tôi mong muốn được góp phần nhỏ làm sáng tỏ thêm mối quan hệ qu: lại nhiều mặt, nhiều khía cạnh phức tạp, tế nhị giữa hai nhà yêu nước ấy.

Điều trước tiên cần được nêu lên, đó là Phan Bội Châu (1867-1940) và Phan Châu Trinh (1872-1925) đều là những bậc chí sĩ yêu nước sống trong một giai đoạn lịch sử có những biến động dữ dội. Họ đều là những tấm gương phản chiếu thời đại.

Họ là những nhà khoa bảng được đào luyện từ nơi sân Trình cửa Khổng. Nhưng họ đều dũng cảm vượt bỏ hạn chế của chính giai cấp mình để đi đến nhận thức phải hướng tới những giá trị tân tiến ở bên ngoài, trên cơ sở đó để phục vụ đắc lực cho công cuộc vận động cách mạng của dân tộc. Lịch sử Việt Nam giai đoạn cận đại thường trình bày rằng tuy cùng chung mục tiêu giành độc lập dân tộc, cùng động cơ yêu nước nhưng về tư tưởng giữa hai cụ Phan có sự khác biệt và sự khác biệt đó đã được tuyệt đối hóa đến mức dường như đối lập. Sau đây xin đi vào 3 điểm cụ thể:

1) Về quan điểm: Về chính thể sau khi giành độc lập, theo họ lập luận thì Phan Bội Châu chủ trương tôn Kỳ ngoại hầu Cường Để làm minh chủ, Cường Để sẽ là vị vua mô sau khi giành được nước, như vậy là Phan Bội Châu có tư tưởng quân chủ.

Phan Châu Trinh là người có tư tưởng dân chủ, không chấp nhận tư tưởng Phan Bội Châu.

Điểm khác biệt này, ta thấy ở trong "Phan Bội Châu niên biểu" "Ngục trung thư" do chính Phan Bội Châu viết trong "Phan Tây Hồ tiên sinh lịch sử" do Huỳnh Thúc Kháng, 1 người hiểu rõ cụ Phan Châu Trinh viết, cũng như ở các di cáo do Phan Châu Trinh d lại. Vào năm 1903 - 1906 hai ông có sự tranh luận gay gắt. Nhưng vấn đề là cần thấy rằng sự khác biệt ấy không phải cố định, do đó khẳng định đây là điểm phân biệt tuyệt đ: trong tư tưởng suốt cuộc đời của hai ông sẽ là không thỏa đáng. Ở cả hai ông đều có qu trình hình thành phát triển tư tưởng. Đối với Phan Bội Châu, thời kỳ đầu vào Huế gặ gỡ Phan Châu Trinh, vào khoảng 1903, được nghe những lời thuyết phục xác đáng củ

Phan Châu Trinh, tuy ông vẫn làm theo kế hoạch của mình, nhưng thâm tâm ông thừa nhận là phải. Ông cũng mất trí với Phan Châu Trinh về vấn đề khai dân trí, phát triển giáo dục, vận động đông đảo quần chúng hướng theo các giá trị mới, xoá bỏ quan niệm phong tục, tập quán lạc hậu. Ông rất cảm kích tấm lòng yêu nước và trí tuệ sắc sảo của Phan Châu Trinh. Nhưng ông cân nhắc nhận thấy trong thực tế hiện thời phải mở rộng liên kết với các lực lượng đề chống Pháp, phải có tiền đề lo sấm khí giới, thu phục nhân tâm. Đất Trung Kỳ và Nam Kỳ tư tưởng trung quân nhớ ơn chúa cũ còn nhiều, phải dựng lên một vị Hoàng tộc làm minh chủ, đề hướng các lực lượng tập trung lại dưới một ngọn cờ thống nhất. Việc ông chọn Cường Để làm Hội chủ là một sách lược, trong tương quan lực lượng đó mà theo ông là sách lược để đạt tới mục tiêu độc lập. Việc tôn quân ở đây là nhằm mục tiêu tranh thủ sự ủng hộ của các sĩ phu Nam kỳ, Trung kỳ để tập hợp lực lượng và tranh thủ sự trợ giúp của Nhật Bản. Khi được tiếp xúc với các chính khách của Nhật Bản và Trung quốc, Phan Bội Châu dần dần chuyển sang mô hình tư tưởng quân chủ lập hiến. Năm 1907, trong tác phẩm "Tân Việt Nam", ông đã nói: "Cái nọc độc chuyên chính của tụi dân tộc ấp ủ từ bên Trung Quốc tiêm nhiễm sang nước ta, một tên độc phu giá ngự ngàn vạn người dân thường để làm cá thịt nuôi nó". Và cũng trong sách "Tân Việt Nam" đã có những tư tưởng tiến gần tới tư tưởng dân chủ tiến bộ chứ không dừng ở tư tưởng quân chủ nữa.

"Trên là vua nên đề hay truất, dưới là quan nên thăng hay nên giáng, dân ta đều có quyền quyết cả" (1)

Thời kỳ Phan Châu Trinh qua Nhật, hai ông đã cùng nhau bàn bạc tranh luận, tuy không đi tới nhất trí, nhưng rõ ràng là Phan Bội Châu là người luôn tự đổi mới, thực sự cầu thị. Trong các tác phẩm về sau của ông, ta thấy từ tư tưởng quân chủ đã ngã dần sang tư tưởng dân chủ ngày một rõ rệt.

Trong sách "Việt Nam Quốc sử khảo", viết năm 1909, ông đã phát triển tư tưởng của mình tiến sát đến tư tưởng dân chủ "Theo công pháp vạn quốc đã định, được gọi là một nước thì phải có nhân dân, có đất đai, có chủ quyền. Thiếu một trong ba cái đấy đều không đủ tư cách làm một nước. Trong ba cái đó thì nhân dân là quan trọng nhất. Không có nhân dân thì đất đai không thể còn, chủ quyền không thể lập. Nhân dân còn thì nước còn, nhân dân mất thì nước mất" (2)

Phan Bội Châu đã có một quá trình đấu tranh để tự đổi mới tư tưởng và nhận thức. Chỉ năm 1906 Phan Châu Trinh về nước cổ động tư tưởng dân chủ, phát động phong trào Duy Tân, bài bác việc dựng cờ quân chủ, tiểu La Nguyễn Thành có gửi thư cho Phan Bội Châu báo rằng từ khi Phan Châu Trinh về, không lợi cho phái bạo động vì xướng tư tưởng tôn dân quyền mà hạ quân quyền. Phan Bội Châu lúc đầu đã viết thư cho Phan Châu Trinh đề nghị khoan đề xướng dân chủ, bởi vì chưa hợp với trình độ dân mình và hưa hợp thời, hãy đợi thêm mười năm nữa và tới khi đó thì ông sẽ là người ủng hộ đầu tiên.

Tuy vậy, lịch sử cận đại Việt Nam giống như là sự phát triển rút ngắn, có sự biến đổi mau chóng. Thực tiễn đã vận động tới chỗ đặt ra yêu cầu dân tộc gắn với dân chủ một cách mật thiết cấp bách. Chính Phan Bội Châu không chần chừ mà đã lĩnh hội mau lẹ yêu cầu của lịch sử. Thêm nữa, khi chính phủ Nhật Bản đã trở mặt trục xuất những người Việt Nam trên đất Nhật, kể cả Phan Bội Châu và Kỳ ngoại Hầu Cường Để, thì hoàn cảnh càng thúc đẩy ông đến với tư tưởng dân chủ. Khi cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc thiết lập nền cộng hòa dân chủ 1911 Phan Bội Châu chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Tôn Trung Sơn, lại được khích lệ bởi tấm gương quả cảm, kiên gan dựng cờ dân chủ của

Phan Châu Trinh, ông thành lập Việt Nam quang phục hội và dứt khoát tuyên bố đi theo con đường cộng hòa dân chủ. Từ đây về sau, tuy còn nhiều khó khăn trắc trở nhưng không bao giờ Phan Bội Châu quay trở lại tư tưởng quân chủ nữa. Ngay cả trong thời kỳ bị giam ở Huế, mặc dù tuổi cao sức yếu và bị tách khỏi phong trào quần chúng nhân dân, ông vẫn kiên trì tư tưởng dân chủ. Tất nhiên ông có nhiều hạn chế khi hiểu về nội hàm tư tưởng dân chủ, như còn chịu ảnh hưởng cách quan niệm về bình quân của Nho giáo, cách hiểu về xã hội chủ nghĩa không tương như là thế giới Đại đồng,... Nhưng có thể khẳng định Phan Bội Châu là một nhà tuyên truyền nhiệt thành cho tư tưởng dân chủ.

Đối với Phan Châu Trinh, ông đã từ chủ nghĩa yêu nước kiểu cũ đến với tư tưởng dân chủ. Tuổi trẻ, ông sớm có mặt trong đội ngũ chiến sỹ cần vương và đã thất vọng ở con đường cứu nước cũ. Ông đặt vấn đề phải có một chủ thuyết mới đề hướng đạo cho phong trào thực tiễn, và ông đã tìm thấy cơ sở chủ thuyết cũ từ trong di sản giá trị tinh thần của lớp người có tư tưởng canh tân trước đó, kết hợp tiếp thu những giá trị mới của tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây. Ông đã sớm ý thức được là phải đưa tư tưởng dân chủ mới này đến với đồng bào mình, và coi đó là phương thuốc để chữa bệnh cho người mình. Tư tưởng dân chủ ấy được ông coi là đường lối chiến lược, và suốt cuộc đời ông đã tận tâm tận lực gây dựng nền dân chủ.

Là một chiến sĩ nòng nòng yêu nước, ông cảm phục chí khí và lòng dũng cảm của Phan Bội Châu, nhất là sau khi đọc tác phẩm "Lưu cầu huyết lệ" của Phan Bội Châu. Nhưng ngay từ lúc biết dự định tìm một vị Hoàng Tộc để làm minh chủ của Phan Bội Châu, ông đã kịch liệt phản đối. Tuy vậy, ông có gắng lấy lý lẽ để thuyết phục Phan Bội Châu, không ngần ngại băng ngàn vượt bể theo Phan Bội Châu qua Nhật Bản để cùng trao đổi. Tin tưởng vào chủ thuyết của mình, ông không tiếc công sức để truyền bá nó rộng rãi trong nhân dân. Tuy là một người giàu cá tính, thậm chí có khi còn tỏ ra cố chấp, không phải ông không nhận ra những chỗ hợp lý trong lập luận của Phan Bội Châu. Bởi vậy ông vẫn dựa vào phong trào đấu tranh bạo động để làm áp lực đòi nhà cầm quyền nới rộng chính sách cai trị, ban bố dân quyền. Đó là nghệ thuật đấu tranh công khai hợp pháp.

Do rất hiểu con người và tâm sự Phan Bội Châu, khi từ Pháp về nước năm 1925, ông có hẹn sẽ ra Huế để bàn bạc cùng nhau. Ông không ngại hiểm nguy để bênh vực tính chất quang minh chính đại của Phan Bội Châu và các hoạt động của xu hướng bạo động. Ông đánh điện cho toàn quyền Đông Dương đòi ân xá cho Phan Bội Châu.

Ngược lại ông Phan Bội Châu cũng rất thông cảm, kính trọng chủ thuyết dân chủ của Phan Châu Trinh. Những ngày cuối đời ở Huế, trong điều kiện ngặt nghèo của một người tù bị giam lỏng, Phan Bội Châu đã gắng sức thổi luồng tư tưởng dân chủ vào các tầng lớp nhân dân rộng rãi, góp phần đẩy phong trào dân chủ tư sản lên một mức mới.

2) Khi so sánh tư tưởng giữa Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh các sách sử trước đây và cả hiện nay nữa thường nhấn mạnh tới sự khác nhau về phương pháp thực hiện mục tiêu cứu nước, theo các sách đó, Phan Bội Châu kế thừa và vận dụng sức mạnh của truyền thống vũ trang bạo động chống xâm lược của dân tộc vào công cuộc đánh Pháp giành độc lập cho dân tộc. Còn Phan Châu Trinh lại phản đối bạo động chủ trương cải cách ôn hòa, đề ra các yêu cầu đòi cải lương theo cách hiểu thông thường thì có thể cho rằng như vậy là từ bỏ sức mạnh của dân tộc và thiếu triệt để. Nhận định như vậy thật không thỏa đáng.

Thật ra, phải đâu Phan Bội Châu chỉ trước sau chủ trương bạo động. Ngay từ khi qua Nhật tận mắt thấy sự cường thịnh của một nước biết mau chóng học hỏi những điều

tốt đẹp của văn minh phương Tây, lại được trao đổi với những chí sĩ tiến bộ như Lương Khải Siêu, tư tưởng ông đã dần thay đổi. Khi Phan Châu Trinh qua Nhật cùng với ông đi thăm các trường học và các cơ sở chính trị quân sự lại được tiếp xúc với nhiều chính khách Nhật Bản và Trung Quốc rồi cùng Phan Châu Trinh đàm đạo tranh luận, Phan Bội Châu rất tán thành ý kiến của Phan Châu Trinh. Ông viết trong Ngục Trung Thư:

"Tôi cho lời nói ông rất phải. Rồi tôi viết ra tập đầu Hải ngoại huyết thư. Nhân lúc Phan Quân về nước tôi gửi huyết thư đó về..."⁽³⁾

Như vậy, đối với Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu rất trân trọng và biết tiếp thu những ý kiến xác đáng, dù là khác với chính kiến của mình, và khi cần thiết cụ đã vận dụng một cách linh hoạt và mềm dẻo.

Khi phân tích việc Phan Châu Trinh lựa chọn hình thức đấu tranh đòi cải cách ôn hòa, chúng ta không thể tuyệt đối hóa cho đó là do cụ đại diện cho tư tưởng của giai cấp tư sản yếu đuối bạc nhược. Cần phải thấy rằng khi điều kiện cho một cuộc khởi nghĩa bạo động chưa chín mùi, tương quan bất lợi cho cách mạng mà cứ chấp nhận tiến hành bạo động thì đó là đâm đầu vào chỗ chết, làm tổn thất lực lượng vốn còn mỏng manh của cách mạng. Việc Phan Châu Trinh chủ trương "bất bạo động" là có tính lịch sử cụ thể. Sinh thời cụ cho tới lúc cụ mất vào năm 1926, tất cả những cuộc khởi nghĩa vũ trang đều thất bại, cho đến tận Xô viết Nghệ Tĩnh 1930, khởi nghĩa Nam Kỳ 1940, điều kiện thắng lợi vẫn chưa có đủ. Tư tưởng bất bạo động của cụ không phải là một chiến lược cứng nhắc mà chỉ hoàn toàn phản ánh hiện trạng lúc đó. Ở thời đại ấy, cụ biết phân biệt bạo lực cách mạng không chỉ là bạo lực vũ trang, mà đã nhìn thấy sức mạnh mới của dân tộc trong bạo lực chính trị và ra sức khơi dậy tiềm năng dồi dào này. Những thế hệ tiếp nối đã không ngừng nâng cao hiệu quả của hình thức đấu tranh mới này. Phan Bội Châu là người hơn ai hết hiểu rõ giá trị của phương pháp cách mạng ôn hòa này và đã ca ngợi sức mạnh của nó:

"Ba tác lược mà gươm mà súng

Nhà Cường quyền trông gió cũng gai ghê

Một ngòi lông vừa trống vừa chiêng

Cửa dân chủ kêu đèn thêm sáng chói."

Phan Châu Trinh không thể kết hợp hai phương pháp đấu tranh được. Hoàn cảnh lúc đó chỉ cần lộ một chút ý đồ phản kháng là bàn tay sắt của đế quốc sẽ bóp nát dự định từ trong trứng. Ông phải luôn dựa vào khẩu hiệu truyền bá tư tưởng Tự do - Bình đẳng - Bác ái của văn minh Pháp để đưa tư tưởng mới đến với người dân một cách mau chóng nhất. Mặt trận đấu tranh công khai hợp pháp của ông chưa thể có điều kiện để liên kết với mặt trận vũ trang bất hợp pháp, sự phát triển chưa tới trình độ ấy. Tư tưởng của ông phản ánh thực tế ấy.

Sự khác biệt giữa hai cụ Phan về phương pháp là có tính lịch sử cụ thể và hết sức tương đối. Hai cụ hết sức hiểu tâm sự của nhau và ra sức bảo vệ cho nhau khi có thể.

3) Điềm Thứ ba: Khi phân tích sự khác biệt giữa hai cụ Phan các sách thông sử thường nhấn mạnh đến cách thức hai ông tìm lực lượng, tìm chỗ dựa, để đi đến độc lập dân tộc. Theo các sách trên Phan Bội Châu chủ trương xin Nhật Bản viện trợ, còn Phan Châu Trinh không tán thành ngoại viện. Do đơn giản chỉ nhìn thấy sự khác biệt bên ngoài đó mà đã không đặt vấn đề liệu có sự chuyển hóa nào giữa hai mặt khác biệt đó do các điều kiện lịch sử cụ thể quy định? Rõ ràng là luận đề "bất bạo động" của cụ Phan Châu Trinh chỉ có mục đích cảnh tỉnh nhân dân tránh nôn nóng trong lúc tình hình chưa có đủ

những điều kiện cho phép thắng lợi, cũng như luận đề "bất vọng ngoại" đã được đặt ra khi trong nước chưa gây dựng được lực lượng của mình thì trông chờ vào một sự giúp đỡ của cường quốc bên ngoài là một hiểm họa. Ông cho rằng mình chưa tự lực tự cường để có tư cách quốc dân độc lập mà chỉ trông chờ ngoại viện thì không thể thay đổi được địa vị nô lệ. Áo tưởng giành lại độc lập nhờ viện trợ bên ngoài chẳng qua là "dịch chủ tái nô". Trong lúc ta đã thuộc quyền bảo hộ của Pháp, có lẽ nên nhẫn nại, kiên quyết, hèn hi dẫu tranh đòi các quyền dân sinh dân chủ, cố gắng học hỏi để vươn lên ngang trình độ các nước. Bởi vậy ông chủ trương "Ý Pháp cầu tiến bộ", đây là sách lược nhằm tranh thủ về mặt pháp lý để thực hiện việc Duy Tân đất nước.

Điều này Phan Bội Châu cũng rất hiểu Phan Châu Trinh. Bởi vậy từ lần gặp gỡ ở Nhật ông đã chú ý vận động kêu gọi nhân dân học hỏi tiến bộ, chứ ông không hoàn toàn trông cậy vào sự giúp đỡ của Nhật. Ông gửi tài liệu về khuyến khích những hoạt động phát triển công thương làm cơ sở hỗ trợ cho phong trào Đông Du. Ông luôn động viên các đồng chí phải tự lực tự cường tự giải quyết những vấn đề kinh tế.

Có lẽ đã đến lúc chúng ta cần phải lấy nhận định của cụ Huỳnh Thúc Kháng nói về mối quan hệ đặc biệt giữa hai cụ Phan: "Tương phản nhi tương tương thành" để đặt lại cách hiểu sát đúng với sự vận động của thực tế lịch sử lúc đó.

Việc tìm hiểu mối quan hệ giữa Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đang rất cần được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nữa. Trên đây mới chỉ là những tìm hiểu ban đầu, rất mong được tỏ bày và nhận được sự chỉ bảo của các nhà nghiên cứu.

CHÚ THÍCH

(1) Phan Bội Châu toàn tập, tập 2, NXB Thuận Hóa 1990, tr 254, 255

(2) Sđđ trang 386, 387.

(3) Phan Bội Châu toàn tập, tập 3 NXB Thuận Hóa trang 190, 191, 192, 193

INITIAL INVESTIGATION INTO THE RELATIONSHIP BETWEEN PHAN BOI CHAU AND PHAN CHAU TRINH

Do Hoa Hoi

Institute of Philosophy

Phan Boi Chau (1867-1940) and Phan Chau Trinh (1872-1926) were prominent representatives of the Vietnam Patriotic movement at the beginning of the 20th century. In the past, the differences between these two great patriots used to be emphasized.

This article is to set off these two people's patriotism. Their common aim was to save the country and the nation, and to struggle for the independence of their country. Particularly, the article provides a new view showing the interaction of the two patriots' three theoretical points which used to be considered the differences between them. They are the view on political regime after the independence: monarchic or democratic; the view about the reliance for achieving the objective: foreign aid or self-reliance; the view on the methods for achieving the objective: military or peaceful. The article concludes that the similarities between Phan Boi Chau and Phan Chau Trinh dominate. The lessons they left are still of great value nowadays.